TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 19 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 527/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 11, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Huỳnh Thị Đoan T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 11, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai mươi năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, không ai quan tâm thương yêu gì đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 16/02/1996 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 29/01/2000. Hiện nay 02 con đã trưởng thành (Trên 18 tuổi), nên anh L và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T không có, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 16/02/1996; Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 29/01/2000. Hiện nay 02 con đã trưởng thành (Trên 18 tuổi), nên anh L và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T không có, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000712 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Thanh L và chị Huỳnh Thị Đoan T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND xã N, H. B, Quảng Bình
(Đăng ký kết hôn số 30 ngày 29/10/2014);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh